

Số: 2757 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản tại các phường An Bình, phường Quyết Thắng, phường Tam Hiệp, phường Tân Mai và phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024;



Trên cơ sở Văn bản số 4468/STC-HĐTĐGD ngày ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng thẩm định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn tại các phường An Bình, phường Quyết Thắng, phường Tam Hiệp, phường Tân Mai và phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 805/TTr-STNMT ngày 02 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn tại các phường An Bình, phường Quyết Thắng, phường Tam Hiệp, phường Tân Mai và phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung sau:

1. Mục đích định giá đất và các thông tin về khu đất định giá

a) Mục đích định giá đất: Xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn tại các phường An Bình, phường Quyết Thắng, phường Tam Hiệp, phường Tân Mai và phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa.

b) Các thông tin về khu đất định giá:

- Diện tích đất định giá: Với diện tích 237.112,3 m².
- Mục đích sử dụng: Đất ở, đất nông nghiệp và đất cơ sở tôn giáo.
- Vị trí, ranh giới khu đất: Được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ bản đồ địa chính khu đất từ số 1907 đến 1916 tỷ lệ 1/500 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 08/02/2021.

2. Phê duyệt kết quả định giá đất

Giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn tại các phường An Bình, phường Quyết Thắng, phường Tam Hiệp, phường Tân Mai và phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng/m²

STT	Diễn giải	Vị trí	Giá đất định giá
A	Đất ở đô thị		

STT	Diễn giải	Vị trí	Giá đất định giá
1	Đường Nguyễn Thành Phương	1 (từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	41.470.000
		1 (từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	33.176.000
		2	20.450.000
		2 (hẻm đất)	16.283.000
		3	15.872.000
		3 (hẻm đất)	12.698.000
		4	12.575.000
		4 (hẻm đất)	10.689.000
2	Đường Nguyễn Thành Đồng	1 (từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50)	41.470.000
		1 (từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	33.176.000
		1 (từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất)	20.735.000
		3	15.872.000
		3 (hẻm đất)	12.698.000
		4	12.575.000
		4 (hẻm đất)	10.689.000
3	Đường N1 (khu dân cư D2D)	3	15.872.000
		3 (hẻm đất)	12.698.000
		4	12.575.000
		4 (hẻm đất)	10.689.000
4	Đường Võ Thị Sáu đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Phạm Văn Thuận	1 (từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	50.250.000
		1 (từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	40.200.000
		1 (từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất)	25.125.000
		2	22.323.000
		2 (hẻm đất)	17.311.000
		3	17.840.000
		3 (hẻm đất)	15.858.000
		4	13.722.000
		4 (hẻm đất)	12.198.000



STT	Diễn giải	Vị trí	Giá đất định giá
5	Đường Huỳnh Văn Hớn	1 (từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50)	35.792.000
		1 (từ mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	28.633.600
		2	22.138.000
		2 (hẻm đất)	17.167.000
		3	17.840.000
		3 (hẻm đất)	15.858.000
		4	13.722.000
		4 (hẻm đất)	12.198.000
6	Đường Phạm Văn Thuận	4	13.722.000
		4 (hẻm đất)	12.198.000
7	Đường Trạm thuế khu vực 2 (phường Tam Hiệp)	1 (từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50)	27.050.000
		1 (từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	21.640.000
		3	11.667.000
		3 (hẻm đất)	9.334.000
		4	7.539.000
		4 (hẻm đất)	6.031.000
8	Đường Trần Quốc Toàn đoạn từ Vũ Hồng Phô đến cầu Ông Gia	1 (từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	46.004.000
		1 (từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	36.803.200
		2	36.053.000
		2 (hẻm đất)	28.977.000
		3	11.667.000
		3 (hẻm đất)	9.334.000
		4	7.539.000
		4 (hẻm đất)	6.031.000
B	Đất nông nghiệp trồng cây hằng năm, cây lâu năm, đất bằng chưa sử dụng		
1	Đường Nguyễn Thành Phương	1 (từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	3.586.000
		1 (từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	2.868.800

STT	Diễn giải	Vị trí	Giá đất định giá
		2	2.746.000
		3	2.416.000
		4	2.207.000
2	Đường Nguyễn Thành Đồng	1 (từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50)	3.586.000
		1 (từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	2.868.800
		1 (từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất)	1.793.000
		3	2.416.000
		4	2.207.000
3	Đường N1 (khu dân cư D2D)	3	2.416.000
		4	2.207.000
4	Đường Võ Thị Sáu đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Phạm Văn Thuận	1 (từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	5.343.000
		1 (từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	4.274.400
		1 (từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất)	2.671.500
		2	3.440.000
		3	2.793.000
		4	2.590.000
5	Đường Huỳnh Văn Hớn	1 (từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50)	5.072.000
		1 (từ mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	4.057.600
		2	3.291.000
		3	2.793.000
		4	2.590.000
6	Đường Phạm Văn Thuận	4	2.590.000
7	Đường Trạm thuế khu vực 2 (phường Tam Hiệp)	1 (từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50)	3.586.000
		1 (từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	2.868.800
		3	2.176.000



STT	Diễn giải	Vị trí	Giá đất định giá
		4	2.064.000
8	Đường Trần Quốc Toàn đoạn từ Vũ Hồng Phô đến cầu Ông Gia	1 (từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	5.234.000
		1 (từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	4.187.200
		2	3.291.000
		3	2.176.000
		4	2.064.000
C	Đất nuôi trồng thủy sản		
1	Đường N1 (khu dân cư D2D)	4	2.207.000
2	Đường Võ Thị Sáu đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Phạm Văn Thuận	3	2.793.000
3	Đường Huỳnh Văn Hớn	1 (từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50)	5.072.000
		1 (từ mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	4.057.600
		1 (từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất)	2.536.000
4	Đường Phạm Văn Thuận	4	2.590.000
5	Đường Trạm thuê khu vực 2 (phường Tam Hiệp)	1 (từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	3.586.000
		1 (từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	2.868.800
		4	2.064.000
6	Đường Trần Quốc Toàn đoạn từ Vũ Hồng Phô đến cầu Ông Gia	3	2.176.000
		4	2.064.000
D	Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng		
1	Đường Huỳnh Văn Hớn	1 (từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50)	21.475.200
		1 (từ mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	17.180.160

3. Việc xác định vị trí các thửa đất để tính tiền bồi thường thực hiện theo quy định tại Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh.

Điều 2. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa tính toán lập phương án bồi thường về đất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường: An Bình, Quyết Thắng, Tam Hiệp, Tân Mai và Thống Nhất, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, PVB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ^{Được}

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức